

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2025

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thắng;

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2024/HNGD-ST ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Kim C, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Lê Văn K, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; (Vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; (Vắng mặt).

3.3. Ngân hàng C2 - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2; Địa chỉ trụ sở: Khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-8-2024, các văn bản tiếp theo, và tại phiên tòa, nguyên đơn bà [Hò Kim C](#) trình bày và yêu cầu:

Bà và ông [Nguyễn Văn R](#) cưới nhau năm 2004, đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#) ngày 05-7-2005; [C1](#) sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau mất hạnh phúc, mặc dù cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay.

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông [Nguyễn Văn R](#);

Về nuôi con chung: Đối với con chung tên [Nguyễn Thị Thùy D](#), sinh ngày 09-02-2005, đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; Bà yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung tên [Nguyễn Thị Trúc L](#), sinh ngày 17-8-2008 và [Nguyễn Mạnh K1](#), sinh ngày 25-5-2012, đang sống với ông [R](#); Bà không yêu cầu ông [R](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết;

Về chia nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 01-11-2024, bị đơn ông [Nguyễn Văn R](#) trình bày:

Ông thống nhất trình bày của bà [Hò Kim C](#) về ngày tháng, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà [C](#);

Về nuôi con chung: Thống nhất đối với con chung tên [Thùy D](#), đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; Ông yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung tên [Trúc L](#) và [Mạnh K1](#) (đang sống với ông); Ông không yêu cầu bà [C](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không có tài sản chung;

Về chia nợ chung: Vợ chồng có nợ: Ông [Lê Văn K](#) 20.000.000 đồng, ông [Nguyễn Văn Đ](#) 27.000.000 đồng và [Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2](#) 20.000.000 đồng; Ông yêu cầu chia đôi số nợ với bà [C](#), mỗi người trả 33.500.000 đồng.

- Vụ án không hòa giải đoàn tụ không thành;

- Ngày 07-01-2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Nguyễn Văn Đ](#) có đơn không yêu cầu khởi kiện và xin giải quyết, xét xử vắng mặt;

- Ngày 18-3-2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Lê Văn K](#) có đơn không yêu cầu khởi kiện và xin giải quyết, xét xử vắng mặt;

- Ngày 11-4-2025, nguyên đơn bà [Hò Kim C](#) có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Ngày 28-4-2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [Ngân hàng C2](#) - Phòng Giao dịch [Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2](#) có đơn không yêu cầu khởi kiện và xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là ông [Nguyễn Văn R](#) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà [Hò Kim C](#) khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông [Nguyễn Văn R](#); Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà [Hò Kim C](#), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Ông [Nguyễn Văn Đ](#), ông [Lê Văn K](#) và [Ngân hàng C2](#) - Phòng Giao dịch [Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2](#) có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Bị đơn là ông [Nguyễn Văn R](#) được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Bà [C](#) và ông [R](#) chung sống có đăng ký kết hôn ngày 05-7-2005 tại [Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#). Quan hệ hôn nhân giữa bà [C](#) và ông [R](#) là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà [C](#): Bà [C](#) và ông [R](#) thống nhất mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau mất hạnh phúc, mặc dù cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay. Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn ly thân đến nay, bà [C](#) và ông [R](#) không khắc phục được mâu thuẫn gia đình, bà [C](#) và ông [R](#) mỗi người vẫn tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau; Xét mâu thuẫn giữa bà [C](#) và ông [R](#) đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc trước khi mở phiên tòa bà [C](#) yêu cầu và ông [R](#) thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận.

[6] Xét về nuôi con chung:

[6.1] Xét con chung tên [Nguyễn Thị Thùy D](#), sinh ngày 09-02-2005, đã thành niên, bà [C](#) và ông [R](#) không yêu cầu giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[6.2] Xét việc bà [C](#) và ông [R](#) cùng yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung tên [Nguyễn Thị Trúc L](#), sinh ngày 17-8-2008 và [Nguyễn Mạnh K1](#), sinh ngày 25-5-2012: Tuy bà [C](#) và ông [R](#) không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh người còn lại

trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng quyền lợi về mọi mặt của con chung, nhưng xét 02 con chung tên Trúc L và Manh K1 đang sống với ông R, nguyện vọng muốn sống chung với ông R, việc thay đổi môi trường sống, học tập, sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm lý, sinh lý của con chung, nên yêu cầu của ông R là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận; yêu cầu của bà C là không có căn cứ chấp nhận;

[6.3] Ông R không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[6.4] Bà C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà C và ông R được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung: Bà C trình bày không yêu cầu giải quyết, ông R trình bày không có, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về nợ chung: Bà C trình bày không có; Ông R trình bày nợ ông Lê Văn K 20.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn Đ 27.000.000 đồng và Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2 20.000.000 đồng; Ông R không khởi kiện yêu cầu xác định nợ chung; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ, ông Lê Văn K và Ngân hàng C2 - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2 không có yêu cầu độc lập trong vụ án này; Do đó, không có căn cứ xem xét. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà C đã nộp đủ án phí; Ông R không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện của đương sự: Bà Hồ Kim C và ông Nguyễn Văn R thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

C1 tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 09-02-2005, đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Ông Nguyễn Văn R được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 17-8-2008 và Nguyễn Mạnh K1, sinh ngày 25-5-2012, đang sống với ông R; Bà Hồ Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà C và ông R được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về chia nợ chung: Đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí: Bà Hồ Kim C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004736 ngày 15-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, bà C đã nộp đủ án phí;

6. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã M (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương